TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 78/2019/DS-PT
Ngày 07-10-2019
V/v yêu cầu tháo dỡ hệ thống máng nước và đan cửa sổ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên

Ông Nguyễn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Yêu cầu tháo dỡ hệ thống máng nước và đan cửa sổ"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ S, sinh năm 1970.

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị C: Ông Tạ S, theo văn bản uỷ quyền ngày 18/7/2017.

2. Bị đơn: Ông Vòng Nàm S, sinh năm 1959.

Bà Phu Tống C, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan M - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 72/1 đường T, phường 6, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vòng Nàm S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn, ông Tạ S trình bày: Vào năm 2015, vợ chồng nguyên đơn có mua lại căn nhà cấp 4 trên diện tích 331m^2 đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935066 cấp ngày 12/11/1997, tọa lạc tại khu phố Lương Tây, thị trấn S, huyện B của gia đình ông Đặng Ngọc A. Sau đó, được chỉnh lý sang tên Tạ S vào ngày 01/10/2015. Căn nhà của gia đình ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C là hộ liền kề có phần 04 tấm đan cửa sổ và hệ thống máng nước mưa được xây dựng và lắp đặt lấn qua phần không gian thuộc quyền sử dụng đất (về hướng đông của lô đất) mà nguyên đơn đã sang nhượng lại của ông Đặng Ngọc A, hệ thống nước mưa xả nước trực tiếp xuống nhà ông gây ngập úng. Do có nhu cầu về xây dựng nhà ở nên nguyên đơn yêu cầu ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C phải tháo dỡ hệ thống máng nước và dỡ bỏ 04 tấm đan cửa sổ. Ban đầu tại địa phương, ông Vòng Nàm S đồng ý tháo dỡ hệ thống máng nước mưa nhưng sau đó thay đổi ý kiến, không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ 04 tấm đan cửa sổ và hệ thống máng nước mưa xả thải lấn sang phần không gian thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Bị đơn ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C trình bày:

Trước năm 1996, vợ chồng bị đơn có sang nhượng lại đất thổ cư của ông Đặng T (là cha ruột của ông Đặng Ngọc A –người đã sang nhượng đất và nhà cho nguyên đơn). Đến năm 1997, bị đơn được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 với diện tích 360m^2. Bị đơn đã xây dựng căn nhà vào năm 1996 và đến năm 2006 bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Bị đơn xây dựng nhà ở có mở 4 cửa sổ ở phần vách hướng tây của căn nhà, liền kề với đất của nguyên đơn, trên 04 cửa sổ này có 04 tấm đan và lắp đặt hệ thống máng xả thải nước mưa. Tuy nhiên, phần xây dựng 04 tấm đan cửa sổ và hệ thống máng xả thải nước mưa nằm trong diện tích đất của bị đơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 cấp ngày 07/10/1997, hơn nữa khi bị đơn tiến hành xây dựng nhà thì phía chủ đất cũ không có ý kiến gì, nên bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận đã đưa vụ án ra xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận đã căn cứ khoản 2 Điều 26; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 174, khoản 2 Điều 175, Điều 178 và Điều 250 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tạ S và Nguyễn Thị C.

- Buộc ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C phải tháo dỡ 04 tấm đan cửa sổ (theo hướng từ Bắc - Nam có các đan: 1,8m x 0,35m; 1,8m x 0,35m; 2,1m x 0,35m; 2,2m x 0,35m) và hệ thống máng nước mưa nằm trên phần vách phía tây của căn nhà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 cấp ngày 07/10/1997 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cấp ngày 06/9/2006 của ông Vòng Nàm S để trả lại phần không gian thuộc quyền sử dụng đất của ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C (Kèm theo sơ đồ bản vẽ)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, bị đơn ông Vòng Nàm S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo vì theo bị đơn 04 tấm đan cửa sổ và hệ thống máng xả thải nước mưa nằm trong diện tích đất của bị đơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 cấp ngày 07/10/1997, hơn nữa khi bị đơn tiến hành xây dựng nhà thì phía chủ đất cũ không có ý kiến gì, nên bị đơn yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

- Quyền sử dụng đất và quyền sơ hữu nhà ở của vợ chồng ông Vòng Nàm S, bà Phu Tống C: Bị đơn đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vào năm 2006, với kết cấu nhà: Tường gạch, tấm đan bê tông cốt thép. Việc xây dựng nhà ở của ông Vòng Nàm S là hợp pháp, không vi phạm quy định về xây dựng, không bị xử phạt về vi phạm hành chính, không bị chủ nhà liền kề tranh chấp hay khiếu nại gì.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của vợ chồng ông Tạ S, bà Nguyễn Thị C: Năm 2015, ông Tạ S, bà Nguyễn Thị C mua căn nhà cấp 4 diện tích 331m^2 của ông Đặng Ngọc A (con ông Đặng T, người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vòng Nàm S). Ông Ánh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, cập nhật biến động cho ông Tạ S vào năm 2015. Ngoài ra, trên diện tích đất nêu trên đang tồn tại công trình nhà ở không có giấy phép xây dựng, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

Việc xây dựng nhà ở của ông Vòng Nàm S từ 23 năm trước, có đầy đủ hồ sơ hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật, có sự chứng kiến của chủ hộ giáp ranh, không

có tranh chấp hay khiếu nại gì. Do vậy, không có cơ sở để cho rằng bị đơn đã xây dựng đan cửa sổ và máng nước lấn sang đất của nguyên đơn.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn phải tháo dỡ các tấm đan cửa sổ và hệ thống thoát nước mưa là có căn cứ, vì diện tích đất dưới tấm đan và hệ thống thoát nước mưa thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Toà án nhân dân huyện B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên toà, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Vòng Nàm S kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ căn cứ pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Vòng Nàm S theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nguồn gốc và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở: Nguồn gốc đất của bị đơn sang nhượng lại của ông Đặng T (là cha ruột của ông Đặng Ngọc A – người đã sang nhượng đất và nhà cho nguyên đơn). Đến năm 1997, bị đơn được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 với diện tích 360m^2, toạ lạc tại khu phố Lương Tây, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Năm 1996 bị đơn đã xây dựng căn nhà và đến năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Nguồn gốc đất của nguyên đơn: Năm 2015, nguyên đơn có mua lại căn nhà cấp 4 trên diện tích 331m^2 đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935066 cấp ngày 12/11/1997, tọa lạc tại khu phố Lương Tây, thị trấn S, huyện B của gia đình ông Đặng Ngọc A. Sau đó, được chỉnh lý sang tên ông Tạ S vào ngày 01/10/2015. Cả nguyên đơn và bị đơn không có đương sự nào yêu cầu xem xét tính pháp lý của các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở mà UBND huyện B đã cấp cho các đương sự.

[3] Về diện tích đất dưới tấm đan cửa sổ và ống thoát nước mưa:

Theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất nguyên đơn và bị đơn sử dụng đều lớn hơn diện tích đất các đương sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, nguyên nhân là do sau khi nguyên đơn, bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự đều nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác liền kề với thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng đất cũng đã thay đổi do Nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1 A. Do vậy, không thể căn cứ vào diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thực tế các đương sự đang sử dụng để xác định đất dưới tấm đan cửa sổ và ống thoát nước mưa nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ai, mà phải căn cứ vào chiều dài thửa đất cạnh tiếp giáp Quốc lộ 1A giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực trạng sử dụng đất của các bên để xác định.

Chiều dài cạnh mặt đường Quốc lộ 1A đất của nguyên đơn và bị đơn theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đã được UBND huyện B xác định tại Công văn số 918/UBND-NC ngày 18/5/2018:

- Thửa đất số 407B kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935066 cấp ngày 12/11/1997 cho ông Đặng Ngọc A (chuyển nhượng cho ông Tạ S) thì cạnh hướng Bắc tiếp giáp quốc lộ 1A (sau khi trừ giải toả quốc lộ 1A) dài 9m; trong khi đó đối chiếu theo sơ đồ đo vẽ khi xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng sử dụng đất là 8,27m.

- Thửa 406 kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935421 cấp ngày 12/11/1997 cho ông Vòng Nàm S thì cạnh hướng Bắc tiếp giáp quốc lộ 1A (sau khi trừ giải toả quốc lộ 1A) dài 8m; trong khi đó đối chiếu theo sơ đồ đo vẽ khi xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng sử dụng đất là 8,52m.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận thể hiện: *Chiều ngang mặt tiền nhà ông Tạ S (tính cả diện tích phần đất đang tranh chấp, xây sát nhà ông Vòng Nàm S) dài 9m. Chiều ngang mặt tiền nhà của ông Vòng Nàm S là 8,1m.*

Kết quả xem xét thẩm định của Toà án phù hợp với văn bản phúc đáp của cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là Ủy ban nhân dân huyện B. Do vậy, UBND huyện B kết luận: "*Phần diện tích chiếm đất của 4 tấm đan cửa sổ và hệ thống máng thoát nước mưa như trong bản vẽ do Tòa án xác định trên cơ sở chỉ ranh của các đương sự là phần đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 935066 ngày 12/1/1997 cho ông Đặng Ngọc A, nay đã chuyển nhượng cho ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai B chỉnh lý trang 4 ngày 01/10/2015"* là có căn cứ, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND

huyện B đã cấp cho nguyên đơn, bị đơn và thực trạng sử dụng đất của các đương sự theo các kết quả đo vẽ kèm theo biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Phan M cho rằng, trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở mà UBND huyện B đã cấp cho ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C vào ngày 06/9/2016 có ghi rõ thực trạng nhà ở, phần kết cấu nhà ghi: Tường gạch, tấm đan bê tông cốt thép, nên các tấm đan cửa sổ cũng là kết cấu của ngôi nhà và đã được UBND huyện B công nhận quyền sở hữu cho ông Vòng Nàm S, bà Phu Tống C, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ đan cửa sổ là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà có ghi kết cấu tấm đan bê tông cốt thép, nhưng không thể hiện rõ là có mấy tấm đan, có phải là đan cửa sổ hay không, trong sơ đồ bản vẽ kèm theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nêu trên không thể hiện có các tấm đan cửa sổ, trong khi thực tế nhà của ông Vòng Nàm S, bà Phu Tống C có 04 tấm đan cửa sổ. Mặt khác, tại Công văn số 918/UBND-NC ngày 18/5/2018, UBND huyện B xác định: *Ngày 06/9/2006, Uỷ ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho ông Vòng Nàm S thì ranh giới đất là ngay vách nhà..".* Do vậy, ý kiến của Luật sư cho rằng UBND huyện B đã công nhận quyền sở hữu nhà cho ông Vòng Nam Sáng, bà Phu Tống C bao gồm cả 4 tấm đan cửa sổ là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo quy định khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015: " Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác". Điều 250 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc chủ sở hữu nhà khi lắp đặt đường dẫn nước mưa từ mái nhà của mình không được chảy xuống bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề. Khi xây dựng nhà, tại vách nhà phía tây, giáp với ranh đất của nguyên đơn, bị đơn đã lắp đặt hệ thống máng nước dùng thoát nước mưa chảy qua phần đất của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy, 04 tấm đan cửa sổ và hệ thống ống thoát nước mưa của nhà ông Vòng Nàm S lấn sang phần không gian thuộc quyền sử dụng đất của ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C, gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải tháo dỡ 04 tấm đan cửa sổ và ống thoát nước mưa là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

6. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vòng Nàm S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 175, và Điều 250 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C.

2. Buộc ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C phải tháo dỡ 04 tấm đan cửa sổ (theo hướng từ Bắc - Nam có các đan: 1,8m x 0,35m; 1,8m x 0,35m; 2,1m x 0,35m; 2,2m x 0,35m) và hệ thống máng nước mưa nằm trên phần vách phía tây căn nhà của ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cấp ngày 06/9/2006 cho ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C) để trả lại phần không gian thuộc quyền sử dụng của ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C (kèm theo sơ đồ bản vẽ)

3. Về chi phí định giá tài sản và đo đạc, thẩm định: Ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C có nghĩa vụ trả lại cho ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C số tiền 2.030.000 đồng theo phiếu thu lập ngày 14/8/2017.

Ông Vòng Nàm S, bà Phu Tống C phải chịu 2.940.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm (đã nộp đủ).

4. Về án phí:

- Ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Tạ S và bà Nguyễn Thị C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009334 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

- Ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016003 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Thuận. Ông Vòng Nàm S và bà Phu Tống C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Toà án nhân dân huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản

.